

Bản án số: 89/2018/KDTM-PT
Ngày: 18-01-2018
V/v: tranh chấp hợp đồng tiền gửi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đức Vân Hồng

Bà Bùi Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Hồng Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 và ngày 18 tháng 1 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2017/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng gửi tiền.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2013/KDTM-ST ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 844/2017/QĐPT-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X , Thành phố H

Địa chỉ: Số 283 đường NGT, Phường 3, Quận X , Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc B, sinh 1949 (Giấy ủy quyền ngày 09/10/2017)

- Bị đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT

Địa chỉ: Số 266-268 đường NKKN, Phường 8, Quận Y, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn B, sinh năm 1980 (Giấy ủy quyền số 3713/2017/GUQ-PL ngày 06/12/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo: Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn trình bày :*

Vào các ngày 01/7/2008 và 08/01/2009, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X (viết tắt Ban BTGPMB) có ký 5 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn một tháng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (S) với tổng số tiền gửi là 6.563.909.961 đồng. Cụ thể từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/07 ngày 01/7/2008: Số tiền gửi là 989.645.818 đồng; đến hạn ngày 01/8/2008; lãi suất 15,6%/năm.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 05/07 ngày 01/7/2008: Số tiền gửi là 618.791.733 đồng; đến hạn ngày 01/8/2008; lãi suất 15,6%/năm.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/01 ngày 08/01/2009: Số tiền gửi là 3.016.702.663 đồng; đến hạn ngày 08/02/2009; lãi suất 6,33%/năm.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/01 ngày 08/01/2009: Số tiền gửi là 588.556.593 đồng; đến hạn ngày 08/02/2009; lãi suất 6,33%/năm.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 04/01 ngày 08/01/2009: Số tiền gửi là 1.350.213.154 đồng; đến hạn ngày 08/02/2009; lãi suất 6,33%/năm.

Toàn bộ số tiền gửi của 5 hợp đồng nói trên đã bị ông Trần Phước T là nhân viên kế toán của Ban BTGPMB lừa đảo chiếm đoạt bằng thủ đoạn làm giả “Giấy đề nghị thanh lý hợp đồng” (bằng cách giả chữ ký của ông Nguyễn Phú Sĩ, Trưởng Ban BTGPMB, lấy dấu tròn của Ban BTGPMB đóng vào) rồi đưa đến S (Chi nhánh Quận 10) làm thủ tục rút tiền.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 426/2011/HSST ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 599/2012/HSPT ngày 14/6/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trần Phước T đã bị xử phạt 20 năm tù và phải chịu trách nhiệm bồi thường cho S 6.775.778.847 đồng. Riêng đối với hợp đồng tiền gửi giữa Ban BTGPMB và S thì hai bên bàn bạc thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Do S từ chối trả tiền gửi và tiền lãi cho Ban BTGPMB nên Ban BTGPMB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc S phải có trách nhiệm trả cho Ban BTGPMB số tiền gửi của 5 hợp đồng tiền gửi nói trên cùng số tiền lãi của từng hợp đồng như sau:

- Tiền gửi: 6.563.909.961 đồng.

- Tiền lãi (tạm tính đến ngày 04/9/2013): 1.457.905.304 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là 8.021.815.308 đồng. Sacombank còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo lãi suất kỳ hạn gửi một tháng của S cho đến khi dứt nợ.

- Bị đơn trình bày :

Năm 2008, Ban BTGPMB giao dịch tiền gửi có kỳ hạn với S (Chi nhánh Quận X), ông Nguyễn Phú S là chủ tài khoản.

Trần Phước T là nhân viên kế toán của Ban BTGPMB, là người thực hiện các thủ tục nộp, chuyển, rút tiền tại S (Chi nhánh Quận 10) thay cho ông Sĩ. Từ ngày 15/12/2008 đến ngày 26/4/2010, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, Toàn đã nhiều lần làm giả “Giấy đề nghị thanh lý hợp đồng” bằng cách giả mạo chữ ký của ông Nguyễn Phú S, sử dụng dấu tròn đóng lên chứng từ rồi liên hệ ngân hàng làm thủ tục rút tiền, chiếm đoạt tổng cộng 6.775.778.847 đồng.

S không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì Ban BTGPMB có lỗi trong việc kiểm tra giấy báo thông tin tài khoản (bị T làm giả để báo cáo) và có lỗi trong việc quản lý con dấu (để Toàn vi phạm trong thời gian dài). S đã thực hiện đúng theo các quy định, quy trình của Ngân hàng Nhà nước cũng như thỏa thuận với Ban BTGPMB trên hợp đồng tiền gửi. Việc giả mạo chữ ký của T là tình vi, các nhân viên của S không thể biết được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2013/KDTM-ST ngày 04/9/2013, Tòa án nhân dân Quận 3 đã quyết định :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Ngân hàng Thương mại Sài Gòn TT phải có trách nhiệm thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền gửi là 6.563.909.961 đồng và tiền lãi của 5 hợp đồng tính đến ngày 04/9/2013 là 1.457.905.304 đồng, tổng cộng là 8.021.815.308 đồng, và số tiền lãi phát sinh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn một tháng cho đến khi dứt nợ.

Ngày 18/9/2013, nguyên đơn đã nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tính lãi.

Cùng ngày 18/9/2013, bị đơn đã nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT không phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền gửi cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X theo các hợp đồng tiền gửi.

Tại Bản án phúc thẩm số 131/2014/KDTM-DS-PT ngày 17/01/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về số tiền lãi mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT phải trả cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X là 1.457.905.304 đồng.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về phương thức thanh toán, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT phải có trách nhiệm thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X tổng số tiền nợ vốn và lãi tính đến ngày 04/9/2013 theo các hợp đồng tiền gửi đã ký giữa các bên (số 03/07 và 05/07 ngày 01/7/2008; số 02/01, 03/01 và 04/01 ngày 08/01/2009) là 8.021.815.265 (tám tỷ không trăm hai mươi một triệu tám trăm mười lăm ngàn hai trăm sáu mươi lăm) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2013 cho đến ngày trả hết nợ vốn theo phương thức như sau:

- Thanh toán ngay sau khi có bản án phúc thẩm này số tiền nợ 4.633.925.842 đồng, bao gồm: 3.281.954.981 đồng vốn và 1.351.970.861 đồng lãi tính đến ngày 04/9/2013, và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ vốn 3.281.954.981 đồng từ ngày 05/9/2013 cho đến ngày trả hết số nợ vốn vừa nêu theo mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn một tháng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT.

- Thanh toán số tiền nợ còn lại 3.387.889.423 đồng (bao gồm 3.281.954.980 đồng vốn và 105.934.443 đồng lãi) ngay sau khi nhận được tiền từ việc thi hành Bản án hình sự phúc thẩm số 599/2012/HSPT ngày 14/6/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT chậm chuyển trả cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền được thi hành án theo bản án hình sự phúc thẩm nói trên (trong phạm vi số tiền nợ còn lại 3.387.889.423 đồng) thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngày 18/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 61/2017/KNGĐT-VC3-V4 đối với Bản án số 131/2014/KDTM-DS-PT ngày 17/01/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do: Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ngân hàng trực tiếp trả cho ban bồi thường 4.633.925.842 đồng; số tiền còn lại 3.387.889.423 đồng Ngân hàng chỉ phải trả cho ban bồi thường sau khi nhận được tiền từ việc thi hành bản án hình sự phúc thẩm là không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi của đương sự.

Quyết định giám đốc thẩm số 21/2017/KDTM-GĐT ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận Kháng nghị Giám đốc thẩm số 61/2017/KNGĐT-VC3-V4 ngày 18/5/2017, hủy bản án số 131/2014/KDTM-DS-PT ngày 17/01/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Sau khi vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm thì vào ngày 05/5/2014, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X đã thỏa thuận với nhau về việc thi hành bản án số 131/2014/KDTM-DS-PT ngày 17/01/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể là Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đã thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền 3.281.954.981 đồng,

tiền lãi tính đến ngày 04/9/2013 là 1.351.970.861 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2013 đến ngày 05/5/2014 là 144.269.271 đồng. Tổng số tiền là 4.778.195.113 đồng. Vì vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn là 3.281.954.981 đồng và tiền lãi từ thời điểm 05/9/2013 (tức thời điểm xét xử sơ thẩm) đến thời điểm thực nhận là 637.301.436 đồng.

Bị đơn cũng như luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho rằng, trong vụ án này, cần làm rõ trách nhiệm của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X trong việc đã để cho Trần Phước T sử dụng dấu của Ban bồi thường rút tiền đến 18 lần. Vì vậy, trách nhiệm dân sự của hai bên là ngang nhau. Vì vậy, bản án số 131/2014/KDTM-DS-PT ngày 17/01/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định trách nhiệm dân sự của các bên là ngang nhau. Ngày 05/5/2014, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X đã thỏa thuận với nhau là Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đã thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền là 4.778.195.113 đồng. Nay không đồng ý thanh toán nữa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 10, buộc S thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền vốn là 3.281.954.981 đồng và tiền lãi từ thời điểm 05/9/2013 đến thời điểm thực nhận theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo: nguyên đơn kháng cáo về phần lãi của bản án sơ thẩm; bị đơn kháng cáo không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn trình bày: ngày 05/5/2014, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X đã thỏa thuận với nhau về việc thi hành Bản án số 131/2014/KDTM-DS-PT ngày 17/01/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể là Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đã thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền 3.281.954.981 đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/9/2013 là 1.351.970.861 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2013 đến ngày 05/5/2014 là 144.269.271 đồng. Tổng số tiền là 4.778.195.113 đồng. Vì vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể yêu cầu thanh toán số tiền vốn là 3.281.954.981 đồng và tiền lãi từ thời điểm 05/9/2013 (tức thời điểm xét xử sơ thẩm) đến thời điểm thực nhận là 637.301.436 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, giữa Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X và Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT có ký kết các hợp đồng tiền gửi cụ thể sau đây: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/07 ngày 01/7/2008 số tiền là 989.645.818 đồng, đến hạn vào ngày 01/8/2008, lãi suất 15,6% /năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 05/07 ngày 01/7/2008 số tiền là 618.791.733 đồng, đến hạn vào ngày 01/8/2008, lãi suất 15,6% / năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/01 ngày 08/01/2009, số tiền là 3.016.702.633 đồng, đến hạn ngày 08/02/2009, lãi suất 6,33% /năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/01 ngày 08/01/2009 số tiền là 588.556.593 đồng, đến hạn ngày 08/02/2009, lãi suất 6,33%/năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 04/01 ngày 08/01/2009, số tiền gửi 1.350.313.154 đồng, đến hạn ngày 08/02/2009, lãi suất 6,33%/năm.

[3] Căn cứ bản án phúc thẩm số 559 ngày 14 tháng 6 năm 2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử buộc bị cáo Trần Phước T phải có trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT chi nhánh Quận 10 số tiền 6.775.778.847 đồng, các phần khác của bản án sơ thẩm số 426/HSST/ 2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT đã thanh toán các khoản tiền gửi cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X nhưng không đúng đối tượng, không kiểm tra đối chiếu chặt chẽ chữ ký, bị Trần Phước T lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trần Phước T đã bị xử lý và buộc phải có trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng số tiền đã chiếm đoạt. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín phải chịu trách nhiệm dân sự toàn bộ đối với số tiền mà Ban bồi thường mặt bằng đã gửi theo các hợp đồng nói trên.

Xét thấy, ngày 05/5/2014, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X đã thỏa thuận với nhau về việc thi hành bản án số 131/2014/KDTM-DS-PT ngày 17/01/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể là Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đã thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền 3.281.954.981 đồng và tiền lãi. Vì vậy, nay buộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đã thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền còn lại là 3.281.954.98 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn một tháng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT từ ngày 05/9/2013 đến thời điểm thực trả tương ứng với số tiền chưa thi hành.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 10, buộc S thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X số tiền vốn là 3.281.954.981 đồng và tiền lãi từ thời điểm 05/9/2013 đến thời điểm thực nhận theo mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn một tháng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới. Cấp sơ thẩm không có lỗi.

Về án phí: sửa án phí của bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền thanh toán 3.281.954.981 đồng, Án phí dân sự sơ thẩm là 97.639.100 đồng

Án phí phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên các bên kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn TT. Sửa bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới.

1.1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT phải có trách nhiệm thanh toán cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X, Thành phố H số tiền còn lại là 3.281.954.981 (ba tỷ hai trăm tám mươi một triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm tám mươi một) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn một tháng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT từ ngày 05/9/2013 đến thời điểm thực trả tương ứng với số tiền chưa thi hành.

1.2.Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1 *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 97.639.100 (chín mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn một trăm) đồng.

Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 58.450.354 (năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn ba trăm năm mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tiền số AC/2011/05700 ngày 04/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố H và 240.494 (hai trăm bốn mươi ngàn bốn trăm chín mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tiền số AC/2011/06405 ngày 19/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố H.

2.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số AC/2011/06574 ngày 19/9/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố H. Hoàn trả 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu tiền số AC/2011/06575 ngày 20/9/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố H

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Bùi Ngọc Anh

Đỗ Đức Vân Hồng

Nguyễn Thị Thùy Dung

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung